CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

Tổng Công ty PISICO Bình Định - CTCP

Ngày 15/01/2024	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.0%	**1.0%**	**-**

DT thuần
Q4/23
108
tỷ VNĐ
QoQ: ▼29.0| -21.4%
YoY: ▼40.0| -27.2%

LN thuần
Q4/23
21.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.0| 547%
YoY: ▲ 2.50| 13.3%

LN sau thuế
Q4/23
20.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.8| 471%
YoY: ▲ 4.30| 27.0%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
9.6%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE
2023
11.2%
YoY: +/-▲ 0.2%

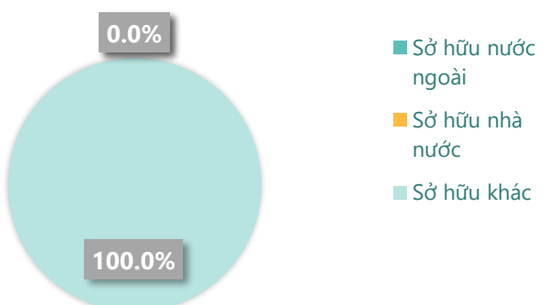
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,000 - 21,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	275
Số lượng CPLH (CP)	27,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.16
EPS	1,428
P/E	7.0

DT thuần
2023
565
tỷ VNĐ
YoY: ▼38.0| -6.3%

LN thuần
2023
47.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00| -2.0%

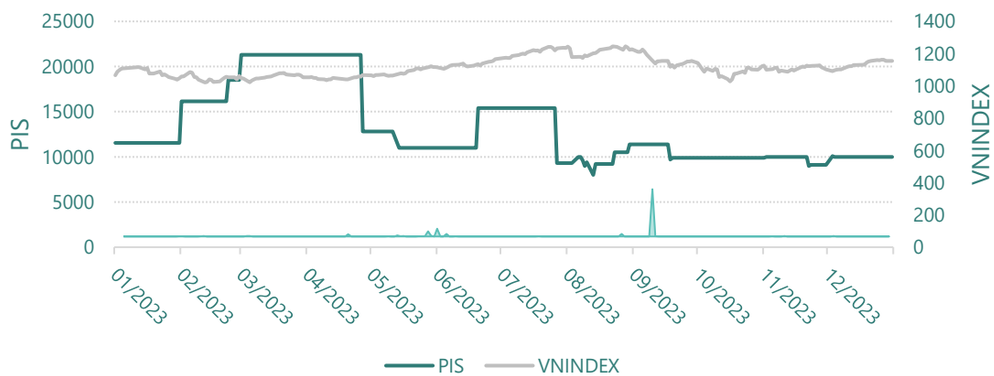
LN sau thuế
2023
43.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.50| 3.6%

Cơ cấu sở hữu

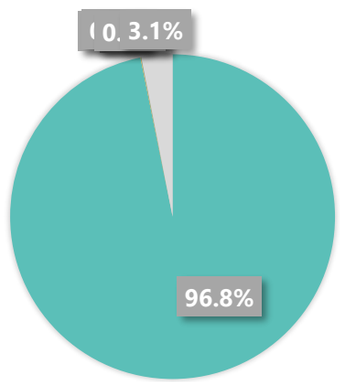


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

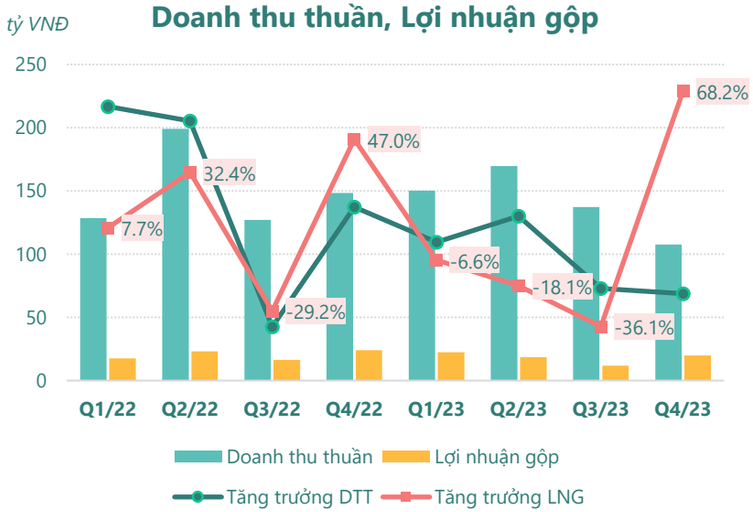


- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy
- Nguyễn Minh Hậu
- Nguyễn Hoàng Lam (Kế toán trưởng)
- Nguyễn Tấn Bảo Toàn (Thành viên Ban kiểm soát)
- Nguyễn Minh Hiền
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

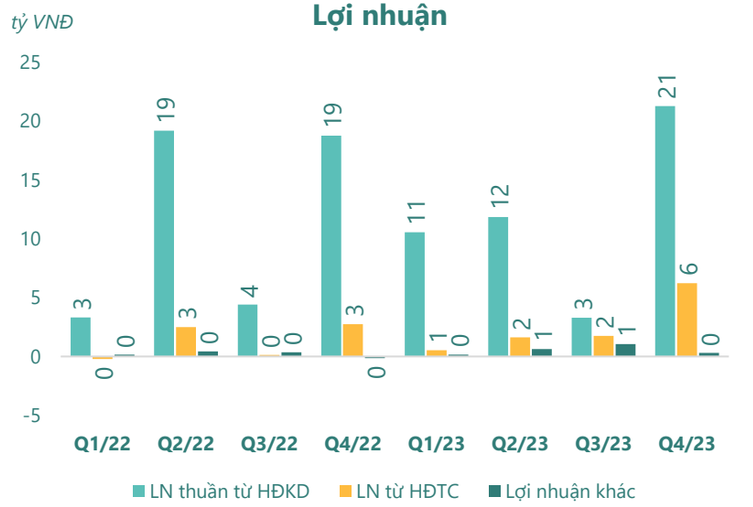
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



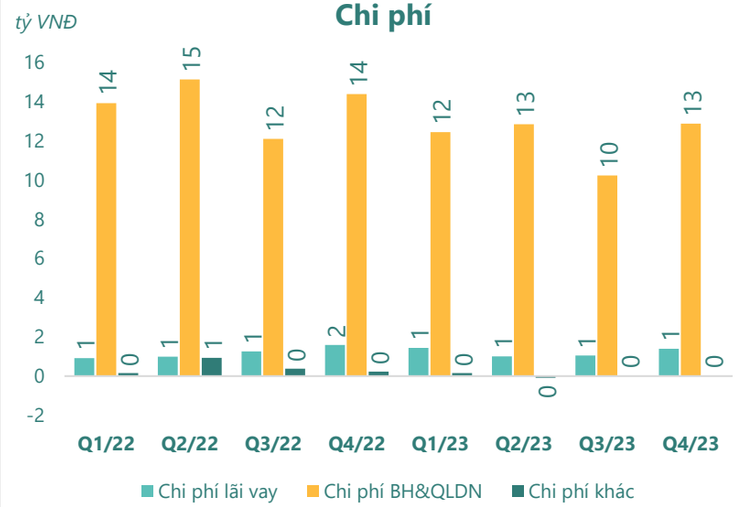
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



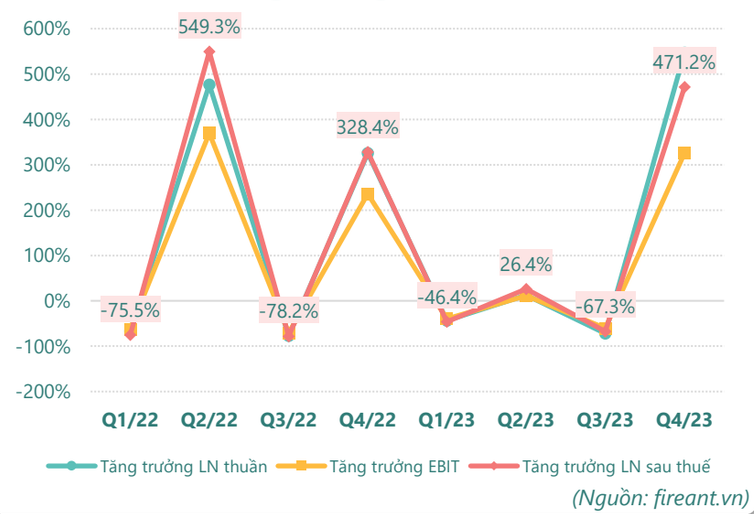
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



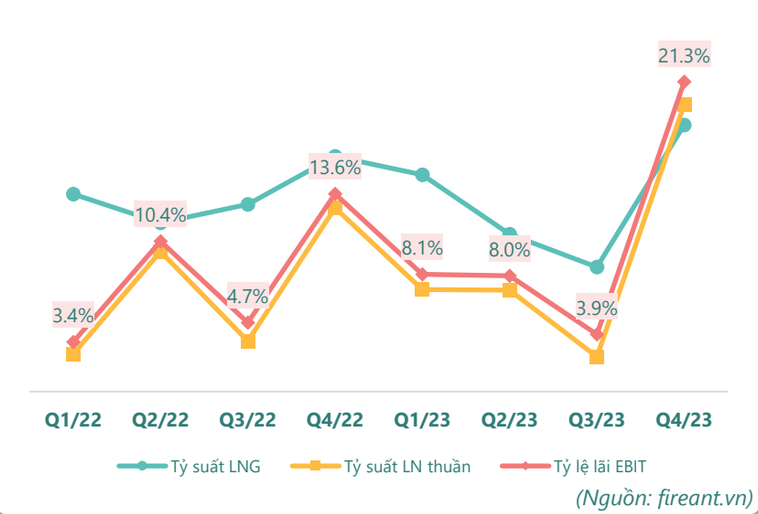
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



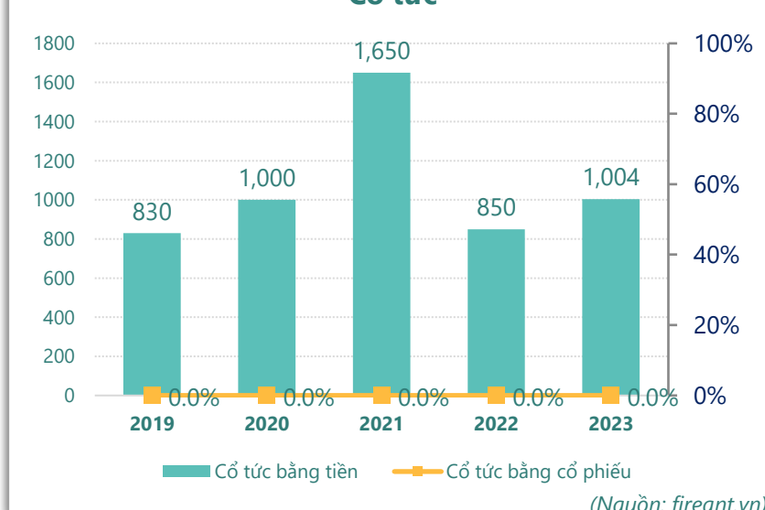
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

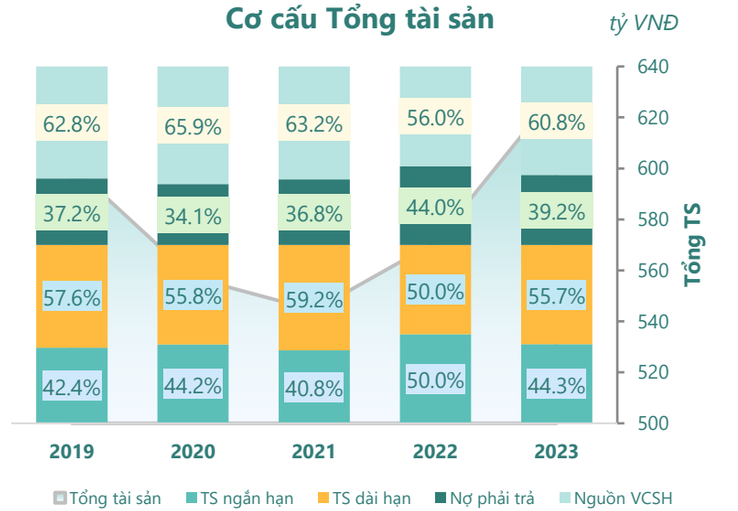
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

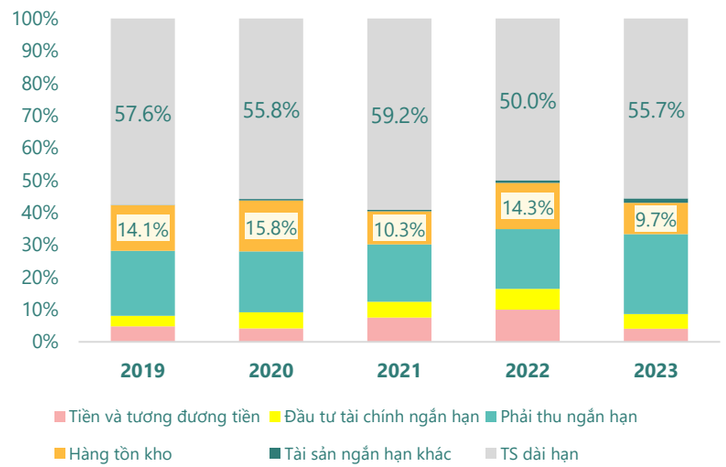
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



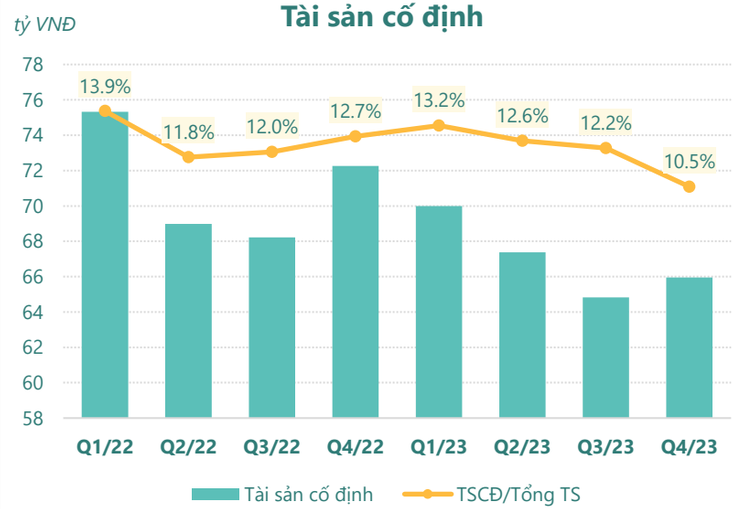
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



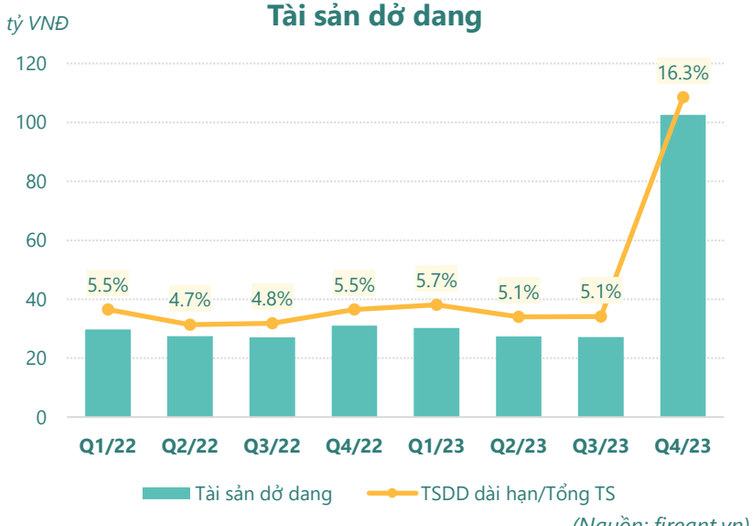
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



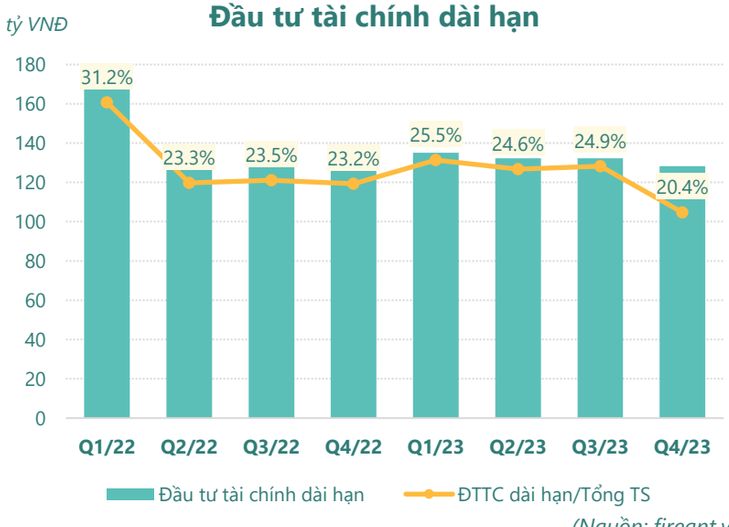
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



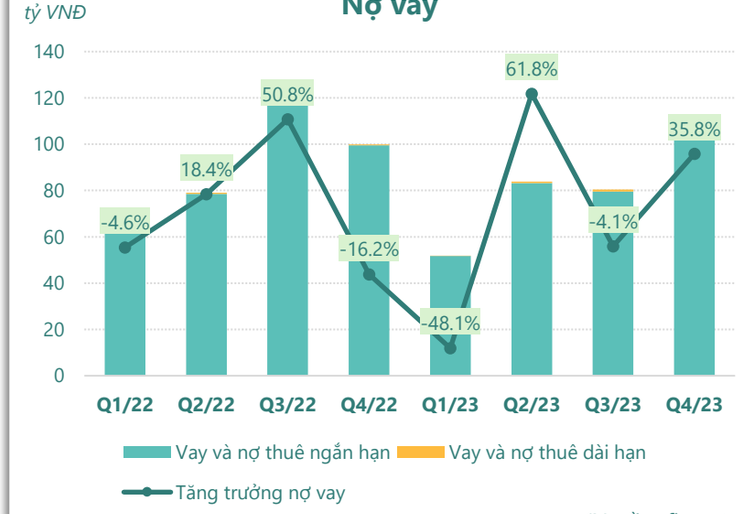
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

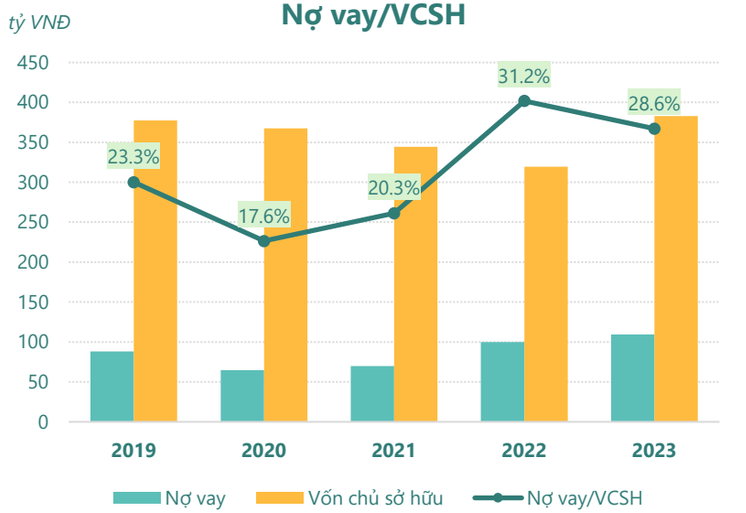
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

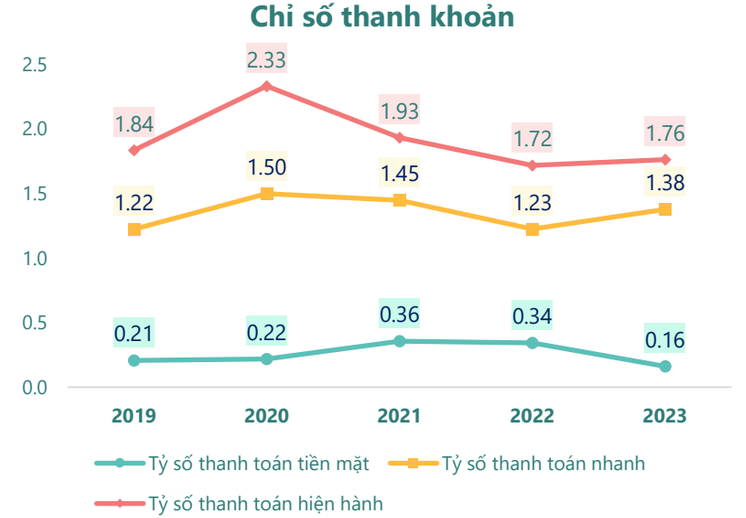
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



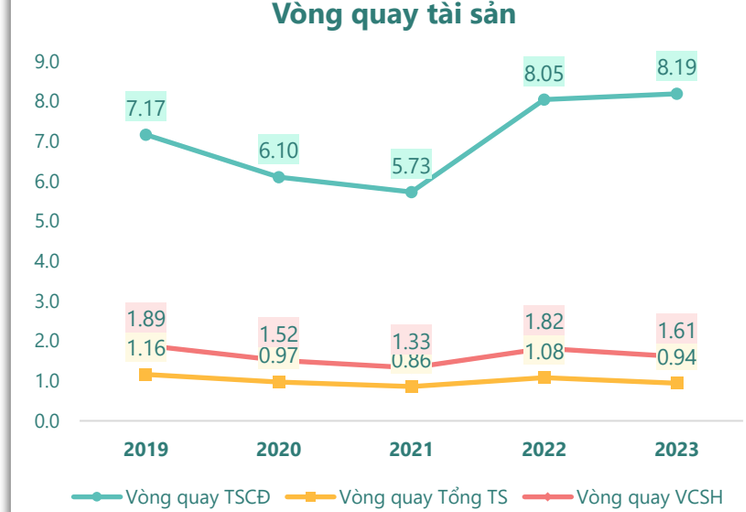
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



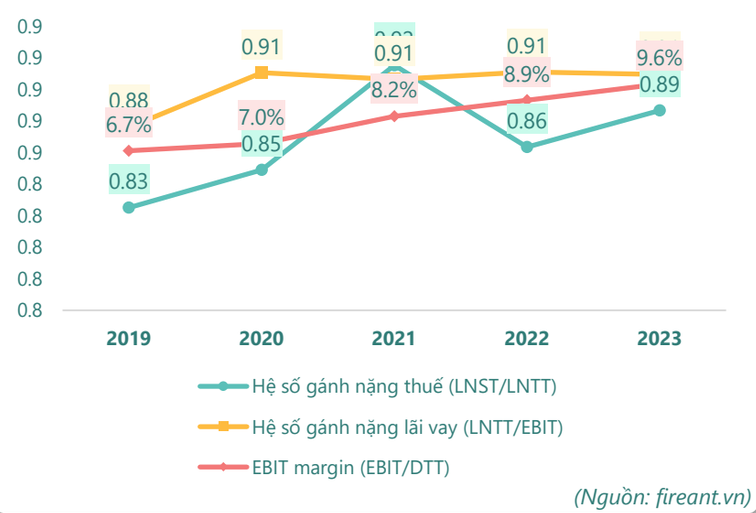
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



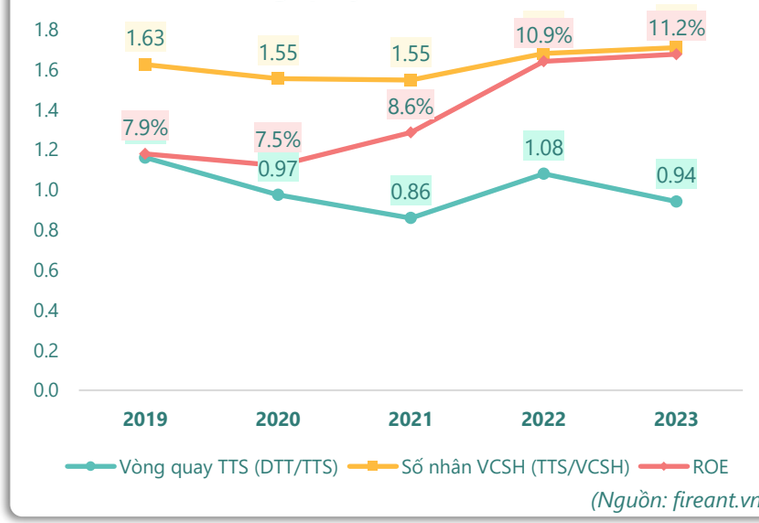
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



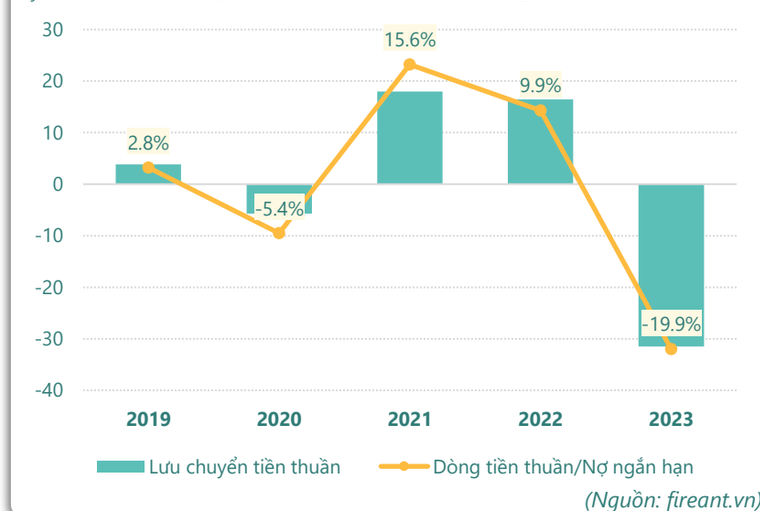
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**108**	**148**	**-27.2%**	**565**	**603**	**-6.3%**
Giá vốn hàng bán	88.0	124	-29.1%	493	522	-5.7%
Lợi nhuận gộp	19.8	24.1	-17.9%	72.4	80.7	-10.2%
Doanh thu HĐTC	9.69	6.23	55.6%	18.8	12.5	50.5%
Chi phí TC	3.46	3.49	-1.0%	8.60	7.28	18.0%
Chi phí lãi vay	1.40	1.59	-12.0%	4.89	4.75	2.9%
LN trong công ty LKLD	**8.15**	**6.37**	**28.0%**	**12.9**	**17.7**	**-27.5%**
Chi phí bán hàng	4.54	6.14	-26.1%	23.0	29.9	-23.1%
Chi phí QLDN	**8.35**	**8.25**	**1.2%**	**25.4**	**25.6**	**-0.9%**
LN thuần từ HĐKD	21.3	18.8	13.3%	47.0	48.0	-2.0%
Lợi nhuận khác	**0.30**	**-0.13**	**328%**	**2.16**	**0.80**	**172%**
LN trước thuế	21.6	18.6	16.1%	49.2	48.8	0.8%
Lợi nhuận sau thuế	**20.4**	**16.1**	**27.0%**	**43.6**	**42.1**	**3.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**20.7**	**15.8**	**30.8%**	**39.3**	**36.3**	**8.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-31.0	14.5	28.1	17.5	-20.0	-118
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.7	26.1	10.6	11.0	-14.4	24.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.9	-18.4	-47.8	0.84	-3.07	79.9
Tiền đầu kỳ	64.3	34.4	56.8	47.8	77.2	39.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-29.9**	**22.1**	**-9.16**	**29.3**	**-37.5**	**-14.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0.28	0.19	0.01	0.00	0
Tiền cuối kỳ	34.4	56.8	47.8	77.2	39.7	25.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**630**	**571**	**10.3%**
Tài sản ngắn hạn	279	285	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	25.5	56.8	-55.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.9	36.6	-21.1%
Phải thu ngắn hạn	155	106	47.0%
Hàng tồn kho	61.2	81.8	-25.3%
Tài sản ngắn hạn khác	8.55	4.54	88.3%
Tài sản dài hạn	**351**	**286**	**22.7%**
Phải thu dài hạn	8.85	4.17	113%
Tài sản cố định	65.9	72.0	-8.4%
Bất động sản đầu tư	31.8	29.4	8.2%
Tài sản dở dang	103	31.0	231%
Đầu tư tài chính dài hạn	128	135	-5.1%
Tài sản dài hạn khác	**13.2**	**14.0**	**-5.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	247	251	-1.8%
Nợ ngắn hạn	**158**	**166**	**-4.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	109	99.5	9.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.0	29.6	-32.4%
Nợ dài hạn	88.6	85.4	3.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.82	0.36	127%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**383**	**320**	**19.8%**
Vốn chủ sở hữu	**383**	**320**	**19.8%**
Vốn điều lệ	275	275	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)